

Số: /2025/QĐ-UBND Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 2 năm 2025;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tại Tờ trình số 76/TTr-SNV ngày 19 tháng 3 năm 2025 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở

Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu: VT, VX5

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Minh Thông

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm tra chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm

trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm là cơ sở đặt hàng, giao nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm, cơ quan được ủy quyền đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực việc làm sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí sự nghiệp công.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp và cá nhân có chức năng, nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực việc làm (gọi chung là bên cung ứng dịch vụ).

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, người lao động, người sử dụng lao động sử dụng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực việc làm (gọi chung bên sử dụng dịch vụ).

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chất lượng dịch vụ là mức độ dịch vụ đáp ứng được các tiêu chí do cơ quan đặt hàng đề ra.

2. Tiêu chí chất lượng dịch vụ là những chuẩn mực làm cơ sở đo lường trong quá trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công của bên cung ứng dịch vụ, dựa vào các tiêu chí về nội dung được cung ứng, trình độ, năng lực của bên cung ứng dịch vụ.

3. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ công là quy định về chuẩn mực tiêu chí kiểm định chất lượng dịch vụ việc làm để làm cơ sở đánh giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực việc làm.

4. Kiểm tra chất lượng dịch vụ việc làm là việc đánh giá và công nhận các hoạt động cung cấp dịch vụ về việc làm nhằm xác định mức độ đáp ứng theo các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dịch vụ việc làm được quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

5. Tư vấn việc làm là việc bên cung ứng dịch vụ cung cấp thông tin về việc làm, chỗ làm việc, yêu cầu, tiêu chuẩn, năng lực, trình độ đối với vị trí làm việc, tiền lương, các chế độ, chính sách khi làm việc, địa điểm làm việc.

6. Tư vấn chính sách lao động việc làm là việc bên cung ứng dịch vụ cung cấp các thông tin, chính sách, pháp luật về lao động, về việc làm, các quy định của pháp luật về lao động, việc làm cho bên sử dụng dịch vụ.

7. Tư vấn học nghề là việc bên cung ứng dịch vụ cung cấp thông tin về ngành nghề cần học, trình độ nghề, yêu cầu của ngành nghề cần học, địa điểm, nơi học nghề, chi phí học nghề, các chế độ chính sách cho học nghề (nếu có), thời gian học nghề, khả năng làm việc sau học nghề cho bên sử dụng dịch vụ.

8. Giới thiệu việc làm là việc bên cung ứng dịch vụ cung cấp, giới thiệu cho bên sử dụng dịch vụ về việc làm, địa điểm nơi làm việc, công việc phải làm, yêu cầu về năng lực trình độ chuyên môn, tiền lương, các chế độ, chính sách có liên quan cho người sử dụng dịch vụ là người lao động quan hoặc cung cấp thông tin, giới thiệu số lượng người làm việc, năng lực, trình độ, khả năng của người lao động nếu bên sử dụng dịch vụ là người sử dụng lao động.

9. Cung ứng lao động là việc bên cung ứng dịch vụ cung cấp, giới thiệu người lao động theo nhu cầu cho tổ chức, cá nhân, người sử dụng lao động ký kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

10. Thu thập thông tin người tìm việc là việc bên cung ứng dịch vụ thu thập các thông tin cần thiết của người tìm việc để kết nối với người sử dụng lao động tìm kiếm việc làm.

11. Thu thập thông tin về việc làm trống là bên cung ứng dịch vụ thu thập thông tin cần thiết của người sử dụng lao động để đăng tải thông tin, kết nối với người lao động để có việc làm.

12. Phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm là hoạt động kết nối cung - cầu lao động; đồng thời thông qua đó, các doanh nghiệp, đơn vị, cơ sở đào tạo nghề cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng, tuyển sinh, mức lương, học phí,... để người lao động, học sinh, sinh viên nắm bắt, lựa chọn.

13. Tuyên truyền các chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thời hạn là thực hiện tuyên truyền, truyền thông dưới nhiều hình thức khác nhau về chủ trương, chính sách, các thông tin tuyển dụng,

đưa lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài đến với người lao động một cách nhanh chóng và hiệu quả”.

14. Hoạt động tổ chức Hội nghị hoặc Hội thảo kết nối cung cầu lao động cho người lao động là việc mời các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề thực hiện tư vấn, trao đổi thông tin về việc làm, học nghề trực tiếp, giúp người lao động nói chung tiếp cận tốt hơn thông tin về việc làm, học nghề

15. Hoạt động thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động là hoạt động tập huấn nghiệp vụ; khảo sát, cập nhật nhằm thu thập thông tin biến động về thị trường cung và cầu lao động; tổng hợp và nhập thông tin vào cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý cung – cầu lao động của tỉnh, nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động, góp phần hỗ trợ phát triển thị trường lao động.

Điều 3. Trách nhiệm cung cấp thông tin và bảo mật thông tin

1. Bên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công phải có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ cho bên cung ứng dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tại các Phụ lục của Quy định này.

2. Bên cung ứng sản phẩm, dịch vụ công: Phải ghi nhận đầy đủ thông tin mà bên sử dụng dịch vụ đã cung cấp; có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin đối với từng dịch vụ việc làm có liên quan; lưu trữ và bảo mật thông tin cá nhân theo các quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Điều 4. Nội dung tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ công, đối tượng sử dụng dịch vụ.

Tiêu chí sản phẩm dịch vụ công thuộc lĩnh vực việc làm bao gồm các sản phẩm, dịch vụ và đối tượng sử dụng dịch vụ cụ thể như sau:

1. Dịch vụ tư vấn việc làm đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Dịch vụ tư vấn chính sách lao động, việc làm đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

3. Dịch vụ tư vấn học nghề đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.

4. Dịch vụ tư vấn chính sách lao động việc làm cho người sử dụng lao động theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định này.

5. Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy định này.

6. Dịch vụ giới thiệu lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quy định này.

7. Dịch vụ cung ứng lao động trong nước đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 6 và Phụ lục 6A ban hành kèm theo Quy định này.

8. Dịch vụ cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số theo Phụ lục 06 và Phụ lục 6A ban hành kèm theo Quy định này.

9. Dịch vụ thu thập thông tin người tìm việc trực tiếp tại Trung tâm; Thu thập thông tin người tìm việc tại các phiên giao dịch việc làm (Tổ chức ngoài trung tâm) và Thu thập thông tin người tìm việc tại hộ gia đình theo Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quy định này.

10. Dịch vụ thu thập thông tin việc làm trống bao gồm thu thập thông tin việc tìm người trực tiếp tại Trung tâm; thu thập thông tin việc tìm người tại các phiên giao dịch việc làm (tổ chức ngoài trung tâm) và thu thập thông tin việc tìm người tại doanh nghiệp theo Phụ lục 7 và phụ lục 8 ban hành kèm theo Quy định này.

Đối với tư vấn chính sách lao động việc làm: Cung cấp các thông tin phù hợp với các quy định của pháp luật lao động hiện hành.

Đối với tư vấn việc làm: Thông tin về thị trường lao động, chất lượng việc làm, kết nối việc làm giữa các doanh nghiệp.

Đối với tư vấn học nghề: Thông tin về các ngành nghề hiện nay đang thu hút học viên, cơ hội nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề, địa điểm đào tạo nghề, cơ hội tiếp cận lao động sau khi được đào tạo nghề.

Điều 5. Nội dung tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công

1. Tiêu chuẩn về người tư vấn sản phẩm, dịch vụ công

a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công tác liên quan đến lĩnh vực việc làm, chính sách pháp luật; Có tham dự ít nhất 1 trong các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ: Tư vấn việc làm, bảo hiểm thất nghiệp, điều tra viên; Kiến thức khác: Giao tiếp, thuyết phục, tư vấn cá nhân, tư vấn nhóm.

b) Phẩm chất cá nhân: Tuyệt đối trung thành, tin tưởng, nghiêm túc chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan; Tinh thần trách nhiệm cao với công việc với tập thể, phối hợp công tác tốt; Trung thực, kiên định nhưng biết lắng nghe; Điềm tĩnh, cẩn thận; Khả năng sáng tạo, tư duy độc lập; Khả năng đoàn kết nội bộ.

c) Hiểu biết pháp luật lao động, việc làm, các chính sách về bảo hiểm thất nghiệp và định hướng phát triển; Có tinh thần, trách nhiệm trong quá trình cung

cấp dịch vụ, kịp thời, chính xác đáp ứng với bên sử dụng dịch vụ. Khả năng thành thạo sử dụng vật tư, trang thiết bị trong quá trình cung ứng dịch vụ.

2. Tiêu chuẩn về nội dung cung cấp dịch vụ

a) Có đầy đủ nội dung, thông tin, tài liệu về thị trường lao động bao gồm: Số đơn vị doanh nghiệp cần tuyển dụng lao động, số lượng lao động cần tuyển dụng, ngành nghề tuyển dụng, vị trí việc làm tuyển dụng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, kinh nghiệm làm việc, kỹ năng, thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, các loại hợp đồng lao động, điều kiện làm việc, lương, thưởng và các khoản bảo hiểm xã hội, các khoản phải đóng và các chế độ phúc lợi khác.

b) Thông tin về người lao động bao gồm: Họ tên, năm sinh, giới tính, dân tộc, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo, khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ, khả năng giao tiếp, quá trình học tập hoặc quá trình làm việc, kinh nghiệm làm việc, tình trạng thất nghiệp.

c) Đối với tư vấn chính sách lao động việc làm: Cung cấp các thông tin phù hợp với các quy định của pháp luật lao động hiện hành và phù hợp với mục đích, nhu cầu của đối tượng được tư vấn.

d) Đối với tư vấn việc làm: Thông tin về thị trường lao động, chất lượng việc làm, kết nối việc làm giữa các doanh nghiệp; tư vấn cho người lao động để lựa chọn vị trí việc làm phù hợp với khả năng và nguyện vọng; tư vấn về kỹ năng tham gia dự tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước và ngoài nước.

đ) Đối với tư vấn học nghề: Thông tin về các ngành nghề hiện nay đang thu hút học viên, cơ hội nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo nghề, địa điểm đào tạo nghề, cơ hội tiếp cận lao động sau khi được đào tạo nghề.

e) Tiêu chuẩn về sản phẩm dịch vụ thuộc lĩnh vực việc làm: Có đầy đủ nội dung tại Điều 5 của Quy định này, có đủ chữ ký, họ và tên được viết tay hoặc điểm chỉ (áp dụng trường hợp không biết chữ) hoặc chữ ký, con dấu, họ và tên (áp dụng cho người sử dụng lao động/ doanh nghiệp) của đối tượng sử dụng dịch vụ không dùng hai màu mực hoặc tẩy xóa. Nội dung tư vấn phải thể hiện được mục đích, nhu cầu của đối tượng tư vấn và thông tin sơ lược đã tư vấn cho đối tượng sử dụng dịch vụ.

3. Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cung ứng dịch vụ

a) Có đầy đủ phương tiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ trong quá trình cung ứng dịch vụ đối với từng dịch vụ được cung ứng theo quy định.

b) Bảo đảm địa điểm cung cấp dịch vụ thông thoáng, trang trọng, lịch sự, bảo đảm tính bảo mật thông tin của bên sử dụng dịch vụ.

4. Tiêu chuẩn về quy trình và thời gian thực hiện

Đảm bảo thực hiện dịch vụ theo Phụ lục số 09.

Điều 6. Tiêu chí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Hoạt động phiên giao dịch việc làm, ngày hội việc làm và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm cho người lao động; Tuyên truyền chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có thời hạn; Tổ chức Hội nghị kết nối cung cầu lao động cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

a) Phương thức: Trực tiếp hoặc trực tuyến

b) Thời gian, địa điểm tổ chức: Hằng năm căn cứ vào kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở xác định thời gian tổ chức đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động.

c) Quy mô, đối tượng tham gia: Doanh nghiệp; người lao động, học sinh - sinh viên có nhu cầu tìm việc làm trong nước, đi làm việc tại nước ngoài, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm ngành học hoặc tìm hiểu các thông tin thị trường lao động.

d) Phương tiện truyền thông: Tuyên truyền thông qua báo đài và các phương tiện truyền thông đại chúng khác.

đ) Cách thức tuyên truyền quảng cáo: Băng rôn, tờ rơi, loa tuyên truyền.

e) Cơ sở vật chất.

f) Nhân công.

g) Chi phí phát sinh khác (nếu có): Khảo sát thực tế; văn phòng phẩm, điều hành quản lý.

2. Dịch vụ thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động.

a) Đối tượng thu thập:

Đối tượng thu thập thông tin về cung lao động

Đối tượng được thu thập là người từ 15 tuổi trở lên đang cư trú tại địa bàn nơi thực hiện thu thập thông tin (bao gồm cả người có hộ khẩu thường trú và người tạm trú) tập trung vào các đối tượng trong độ tuổi lao động có biến động như sau: Số lao động thất nghiệp, không có việc làm; Số lao động có việc làm bao gồm: lao động tự do, lao động làm công ăn lương, lao động gia đình (phụ giúp việc trong gia đình và không có lương).

Đối tượng thu thập thông tin về cầu lao động: Người sử dụng lao động, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng người lao động làm việc cho mình theo thỏa thuận; trường hợp người sử dụng lao động là cá nhân thì phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

Đối tượng thu thập thông tin về người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Đối tượng được thu thập là người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định tại Bộ luật Lao động.

b) Nội dung thu thập thông tin:

Thu thập thông tin về cung lao động: Họ, chữ đệm và tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; số định danh cá nhân; Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất; trình độ chuyên môn kỹ thuật và chuyên ngành đào tạo; Công việc chính đang làm: tên công việc, vị thế việc làm, nơi làm việc (tên, loại hình, ngành kinh tế, địa chỉ); Tình trạng thất nghiệp (công việc chính trước khi thất nghiệp, thời gian thất nghiệp); Lý do không tham gia hoạt động kinh tế; Nhu cầu đào tạo, việc làm.

c) Thu thập thông tin về cầu lao động

Thông tin định danh gồm: tên, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp, mã số đăng ký kinh doanh, mã số thuế; Ngành nghề sản xuất kinh doanh hoặc sản phẩm chính của các doanh nghiệp; Quy mô sử dụng lao động.

Nhu cầu tuyển dụng lao động trong 6 tháng tới (tính từ thời điểm thu thập thông tin) phân theo giới tính, theo ngành nghề, trình độ chuyên môn.

Thu thập nhu cầu tuyển dụng lao động thường xuyên của người sử dụng lao động và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu việc làm trống để kết nối cung – cầu lao động.

d) Thu thập thông tin về người lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Từ hệ thống thông tin, dữ liệu chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động; cấp, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, Sở Nội vụ tiến hành thu thập thông tin với các nội dung sau: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; quốc tịch; số hộ chiếu; giấy phép lao động; Trình độ chuyên môn đào tạo và chuyên ngành đào tạo; Vị trí công việc; chức danh công việc; hình thức làm việc; loại hình doanh nghiệp, tổ chức làm việc; kinh nghiệm làm việc; chứng chỉ hành nghề (nếu có); Địa điểm và thời gian làm việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Đối với các phiên giao dịch việc làm và ngày hội tư vấn việc làm

a) Có xây dựng kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về số lượng doanh nghiệp đăng ký tham gia phiên; nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu tuyển sinh, số lượng người tham gia; số người được tư vấn; số người đăng ký việc làm, học nghề, xuất khẩu lao động tại phiên giao dịch hoặc ngày hội tư vấn.

b) Mỗi phiên giao dịch việc làm hoặc ngày hội việc làm phải có trên 50% người lao động tham dự so với kế hoạch đề ra.

c) Có tối thiểu 40% người lao động tham gia phiên được sơ tuyển trực tiếp /hẹn phỏng vấn tại phiên giao dịch hoặc ngày hội việc làm.

d) Nhân công thực hiện các phiên giao dịch việc làm và ngày hội việc làm: Phù hợp với khoản 2 Điều 6 Quy định này.

2. Đối với dịch vụ thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động

a) Thu thập thông tin về cung, cầu lao động phải đảm bảo khách quan, trung thực, chính xác; đảm bảo dữ liệu thu thập đầy đủ, có hệ thống, đáp ứng yêu cầu Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

b) Đảm bảo dữ liệu của tỉnh được kết nối vào hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động quốc gia để phục vụ công tác dự báo, phân tích trên địa bàn tỉnh và phạm vi toàn quốc

c) Kết quả cập nhật thông tin phải được ghi chép vào phiếu ghi chép thông tin cung, cầu lao động theo Thông tư số 01/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/1/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động (trường hợp có thông tư mới thay thế thì áp dụng thông tư đó).

d) Sản phẩm, dịch vụ công được giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công là Danh mục dịch vụ sự nghiệp công chưa xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá, thực hiện theo số lượng, khối lượng, chi phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Kết quả thu thập phải được tổng hợp và lưu trữ (nhập thông tin) vào phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu cung – cầu lao động của tỉnh để phục vụ công tác kết nối cung – cầu lao động và dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh.

Chương III

CƠ CHẾ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG

Điều 8. Cơ chế giám sát chất lượng sản phẩm dịch vụ công về việc làm

1. Định kỳ hằng quý hoặc đột xuất, cơ quan có thẩm quyền được giao tiến hành giám sát tình hình cung cấp dịch vụ của bên cung cấp dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này. Việc giám sát phải được lập thành biên bản có chữ ký của người giám sát và đơn vị được giám sát.

2. Nội dung giám sát: Giám sát việc thực hiện đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ quy định tại Chương II Quy định này.

3. Trong quá trình giám sát, nếu phát hiện có sai sót của bên cung cấp dịch vụ thì yêu cầu bên cung cấp dịch vụ khắc phục; nếu không khắc phục báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề, nội dung liên quan tới việc đặt hàng cung cấp dịch vụ.

Điều 9. Đánh giá chất lượng, kết quả sản phẩm; dịch vụ công

1. Đánh giá chất lượng dịch vụ hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động đã được tổ chức sự nghiệp cung ứng là dựa trên kết quả đánh giá Đạt hoặc Không đạt của bên sử dụng dịch vụ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn của sản phẩm, dịch vụ được quy định tại Điều 5 của Quy định này.

2. Đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ thu thập thông tin người tìm việc, thu thập thông tin việc làm trống là dựa trên kết quả thu thập, hàng tháng trên cơ sở thu thập thông tin có báo cáo đánh kết quả thu thập thông tin thị trường lao động và kết quả tự đánh giá của người thu thập thông tin dựa trên cơ sở các thông tin được thu thập đầy đủ, chính xác do người sử dụng lao động và người lao động cung cấp.

3. Đánh giá kết quả đối với sản phẩm dịch vụ theo phương thức đặt hàng: Đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Điều 4; Điều 5 Quy định này. Sản phẩm, dịch vụ được người sử dụng dịch vụ đánh giá ở mức độ Đạt và không trùng lặp với các đối tượng hướng chính sách bảo hiểm thất nghiệp.

4. Đánh giá kết quả sản phẩm, dịch vụ đối với phương thức giao nhiệm vụ: Đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy định này, căn cứ vào kế hoạch, hóa đơn, chứng từ, báo cáo số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác (nếu có) cụ thể làm cơ sở nghiệm thu.

Điều 10. Kiểm tra chất lượng dịch vụ việc làm

1. Trên cơ sở đánh giá dịch vụ của bên sử dụng dịch vụ và người thu thập thông tin người tìm việc, việc làm trống, đơn vị sự nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn để tự kiểm tra, xác định kết quả cụ thể sau kiểm tra trên từng ca dịch vụ đã cung ứng vào Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này gửi Sở Nội vụ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm cấp tỉnh kiểm tra độc lập đối với chất lượng dịch vụ việc làm, dựa trên cơ sở chọn mẫu ngẫu nhiên theo từng ca dịch vụ, mỗi dịch vụ chọn mẫu ngẫu nhiên ít nhất 15% ca dịch vụ đã cung ứng để kiểm tra.

a) Trường hợp kết quả kiểm tra có từ 70% ca dịch vụ trở lên đạt yêu cầu thì tất cả các dịch vụ đã cung ứng đạt yêu cầu về chất lượng dịch vụ.

b) Trường hợp kết quả kiểm tra có trên 50% số ca dịch vụ không đạt yêu cầu thì cơ quan quản lý nhà nước về dịch vụ việc làm cấp tỉnh kiểm tra toàn bộ dịch vụ đó đã cung cấp.

Chương IV

QUY CHẾ KIỂM TRA, NGHIỆM THU DỊCH VỤ

Điều 11. Nguyên tắc kiểm tra, nghiệm thu

1. Bên cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực việc làm phải tự kiểm tra, nghiệm thu chất lượng, khối lượng dịch vụ, xác định giá trị đề nghị thanh toán của từng dịch vụ do mình cung cấp, thực hiện và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và trước pháp luật về chất lượng, khối lượng dịch vụ.

2. Cơ quan đặt hàng cung cấp dịch vụ lĩnh vực việc làm chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện cung ứng dịch vụ trong lĩnh vực việc làm.

Điều 12. Công tác nghiệm thu

1. Trách nhiệm của các đơn vị

a) Bên cung ứng dịch vụ có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu dịch vụ việc làm ở cấp cơ sở, chịu trách nhiệm trước cơ quan đặt hàng cung cấp dịch vụ lĩnh vực việc làm và trước pháp luật về kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ do mình cung cấp.

b) Thủ trưởng cơ quan đặt hàng cung cấp dịch vụ lĩnh vực việc làm: Tuỳ theo tính chất, quy mô, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị quyết định hình thức nghiệm thu.

2. Nội dung nghiệm thu

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu của đơn vị cung ứng dịch vụ.

b) Xác nhận chất lượng, khối lượng, giá trị đề nghị thanh toán, quyết toán của từng dịch vụ đã được cung cấp.

c) Chứng từ chứng minh kết quả thực hiện

d) Yêu cầu bổ sung hoặc sửa chữa các thiếu sót để hoàn thiện dịch vụ; kiến nghị xử lý các vi phạm, khuyết điểm (nếu có).

3. Kết quả kiểm tra, nghiệm thu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng được thể hiện bằng biên bản nghiệm thu và là cơ sở để thanh, quyết toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng cho bên cung ứng dịch vụ. Trường hợp hồ sơ của bên cung ứng dịch vụ không đảm bảo điều kiện tại điểm b khoản 2 Điều 10 Quy định này, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ hoàn trả hồ sơ và không nghiệm thu thanh toán. Trường hợp hồ sơ đảm bảo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy định này, cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ thanh toán trên tỉ lệ hồ sơ đạt yêu cầu tại Điều 9 Quy định này.

4. Trách nhiệm lưu trữ hồ sơ nghiệm thu

a) Bên cung ứng dịch vụ về việc làm có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ nghiệm thu kèm với dịch vụ đã được nghiệm thu.

b) Đơn vị có thẩm quyền đặt hàng, giao nhiệm vụ có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ nghiệm thu gồm: Biên bản nghiệm thu, danh sách dịch vụ công đã được nghiệm thu, hoá đơn, chứng từ thanh quyết toán dịch vụ về việc làm.

c) Nghiêm cấm việc giả mạo, làm sai lệch và thất lạc hồ sơ, tài liệu nghiệm thu dịch vụ.

Điều 13. Thanh toán, quyết toán dịch vụ

1. Thanh toán kinh phí giao nhiệm vụ, đặt hàng: Theo quy định tại Điều 24, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên.

2. Quyết toán kinh phí: Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Kiểm tra, giám sát quá trình cung cấp dịch vụ đối với bên cung ứng dịch vụ theo tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khi tiến hành đặt hàng, giao nhiệm vụ quy định tại Quy định này.

2. Tổ chức hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng cung ứng dịch vụ về thực hiện các quy trình, thủ tục cung cấp dịch vụ việc làm theo Quy định này và các quy định của pháp luật về việc làm.

3. Tổ chức nghiệm thu khối lượng chất lượng dịch vụ và quyết toán kinh phí đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung đơn giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm khi Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở hoặc do nguyên nhân bất khả kháng khác làm ảnh hưởng trực tiếp đến giá của dịch vụ.

5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình thực hiện việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về Ủy ban nhân dân Tỉnh theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí dự toán kinh phí thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của bên cung ứng dịch vụ

1. Xây dựng Kế hoạch cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm hằng năm, dự trù số lượng ca dịch vụ và kinh phí gửi cơ quan có thẩm quyền hoặc được uỷ quyền đặt hàng.

2. Thực hiện cung cấp dịch vụ, thu thập thông tin đầy đủ, đúng quy trình và chất lượng dịch vụ theo tiêu chí, tiêu chuẩn tại Quy định này và khối lượng, thời gian, tiến độ của cơ quan đặt hàng dịch vụ.

3. Thanh toán, quyết toán sản phẩm, dịch vụ việc làm đã cung cấp theo đúng khối lượng, chất lượng đạt yêu cầu với cơ quan được uỷ quyền đặt hàng cung cấp dịch vụ.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan có thẩm quyền về nội dung, chất lượng dịch vụ do đơn vị cung ứng.

5. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về tình hình thực hiện cung cấp dịch vụ theo Quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm có trách nhiệm khai báo trung thực các thông tin, nhu cầu theo yêu cầu của Quy định này và của bên cung ứng dịch vụ.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo, đã được cung ứng dịch vụ đối với từng dịch vụ mà tổ chức, cá nhân đó đã đăng ký sử dụng.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm chủ trì và phối hợp các sở, ngành, địa phương, đơn vị triển khai, tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu Bộ, ngành Trung ương ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để được xem xét, quyết định theo thẩm quyền./.

Danh mục các phụ lục

(Kèm theo Quy định Tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu)

STT	Tên bảng biểu
Phụ lục 1	Phiếu tư vấn cho người lao động
Phụ lục 2	Phiếu tư vấn cho người sử dụng lao động
Phụ lục 3	Phiếu đăng ký tìm việc làm
Phụ lục 4	Kết quả giới thiệu việc làm
Phụ lục 5	Phiếu giới thiệu việc làm
Phụ lục 6	Phiếu đăng ký giới thiệu/cung ứng lap động
Phụ lục 6A	Danh sách lao động được cung ứng
Phụ lục 7	Phiếu đăng ký việc làm trống
Phụ lục 8	Phiếu đăng ký tuyển dụng (việc tìm người)
Phụ lục 9	Tiêu chuẩn về quy trình và thời gian thực hiện